

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỐI VỚI 40 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN KIM CHÂU, XÃ THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO OLYMPIC (KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO QUỐC TẾ HÀ NỘI) ĐỢT 7

(Kèm theo Quyết định số: 1430/QĐ-UBND ngày 08/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Oai)

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
1	Hộ bà Đào Thị Hương	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001167006050	CE 403899	05/12/2016	Đồng Láng	LUC	59	00	666,0	669	21	666	666,0	100%	206.460.000	516.150.000	6.660.000	729.270.000			
2	Hộ ông Lâm Tăng Lộc	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059022911	CE 403908	05/12/2016	Láng Dưới	LUC	242	05	490,0	263	27	1569,7	1.281,7	82%	397.327.000	993.317.500	10.000.000	1.400.644.500			
						Bưởi Trên	LUC	365	05	791,7	04	34				-	-	-	-			
3	Hộ bà Lâm Thị Hoa	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001158041775	CE 403901	05/12/2016	Bưởi Trên	LUC	403	05	634,9	13	34	1396,8	1.054,8	76%	326.988.000	817.470.000	10.000.000	1.154.458.000			
						Láng Dưới	LUC	243	05	419,9	273	27				-	-	-	-			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
4	Hộ ông Lâm Văn Thuận	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001079041619	CE 403918	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	306	05	1.067,6	327	27	1067,6	1.067,6	100%	330.956.000	827.390.000	10.000.000	1.168.346.000			
5	Hộ ông Lê Hồng Vân	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001072020145	CE 403903	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	218	05	647,4	256	27	647,4	647,4	100%	200.694.000	501.735.000	6.474.000	708.903.000			
6	Hộ bà Lê Thị Hậu	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001140002043	CE 403875	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	70	00	980,0	302	27	1206	980,0	81%	303.800.000	759.500.000	9.800.000	1.073.100.000			
7	Bà Lê Thị Hoa	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001188002514	DM 338705	29/12/2023	Buổi Dưới	LUC	190	05	910,0	227	27	910	910,0	100%	282.100.000	705.250.000	9.100.000	996.450.000			
8	Hộ bà Lê Thị Nhàn	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001161031420	CE 403882	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	204	05	770,0	240	27	1490	770,0	52%	238.700.000	596.750.000	7.700.000	843.150.000			
9	Hộ ông Nguyễn Đình Chiến	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001067010513	CE 403905	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	271	05	745,7	298	27	1357,7	745,7	55%	231.167.000	577.917.500	7.457.000	816.541.500			
10	Hộ ông Nguyễn Đình Hương	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064002340	CH 042169	30/12/2016	Buổi Dưới	LUC	04	00	1.050,0	288	27	1122	1.050,0	94%	325.500.000	813.750.000	10.000.000	1.149.250.000			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
11	Hộ ông Nguyễn Đình Phương	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001061011742	CE 403885	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	255	05	314,9	279	27	782,9	314,9	40%	97.619.000	244.047.500	3.149.000	344.815.500			
12	Hộ ông Nguyễn Đình Thăng	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001072003549	CE 403884	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	203	05	698,0	238	27	698	698,0	100%	216.380.000	540.950.000	6.980.000	764.310.000			
13	Hộ ông Nguyễn Đức Chính	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001068016690	CE 403876	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	507	03	1.120,0	319	27	1120	1.120,0	100%	347.200.000	868.000.000	10.000.000	1.225.200.000			
14	Hộ ông Nguyễn Đức Toàn	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001067039789	CE 403893	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	220	05	507,5	254	27	1893,5	507,5	27%	157.325.000	393.312.500	5.075.000	555.712.500			
15	Hộ ông Nguyễn Gia Khánh	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001054003283	CH 042172	30/12/2016	Láng Dưới	LUC	210	05	1.627,4	243	27	2761,4	1.627,4	59%	504.494.000	1.261.235.000	10.000.000	1.775.729.000			
16	Hộ bà Nguyễn Thị Hà	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001159024679	CE 403894	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	205	05	787,5	242	27	931,5	787,5	85%	244.125.000	610.312.500	7.875.000	862.312.500			
17	Hộ bà Nguyễn Thị Hải	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001144005960	CE 403922	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	384	05	542,0	8	34	650	542,0	83%	168.020.000	420.050.000	5.420.000	593.490.000			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
18	Hộ bà Nguyễn Thị Khải	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001150001674	CE 403911	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	176	05	350,0	211	27	1680	1.680,0	100%	520.800.000	1.302.000.000	10.000.000	1.832.800.000			
						Buổi Trên	LUC	305	05	1.330,0	321	27				-	-	-	-			
19	Hộ bà Nguyễn Thị Láng	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001163017695	CE 403879	05/12/2016	Láng Dưới	LUC	224	05	509,3	251	27	1897,7	1.645,7	87%	510.167.000	1.275.417.500	10.000.000	1.795.584.500			
						Buổi Trên	LUC	266	05	1.136,4	348	27				-	-	-	-			
20	Hộ bà Nguyễn Thị Lý	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001164037930	CE 403891	05/12/2016	Láng Dưới	LUC	257	05	770,2	281	27	770,2	770,2	100%	238.762.000	596.905.000	7.702.000	843.369.000			
21	Hộ bà Nguyễn Thị Ngoan	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001163009158	CE 403912	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	174	05	339,0	197	27	1173,4	1.101,4	94%	341.434.000	853.585.000	10.000.000	1.205.019.000			
						Buổi Trên	LUC	345	05	762,4	341	27				-	-	-	-			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
22	Hộ bà Nguyễn Thị Vân Hồng	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001170046159	CE 403898	05/12/2016	Buồng Dưới	LUC	240	05	1.067,5	262	27	1067,5	1.067,5	100%	330.925.000	827.312.500	10.000.000	1.168.237.500			
23	Hộ bà Nguyễn Thị Xếp	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001151016010	CE 403917	05/12/2016	Buồng Dưới	LUC	272	05	1.206,0	300	27	1206	1.206,0	100%	373.860.000	934.650.000	10.000.000	1.318.510.000			
24	Hộ ông Nguyễn Tiên Hường	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001046003788	CE 403913	05/12/2016	Buồng Trên	LUC	525	05	1.172,5	336	27	1522,5	1.522,5	100%	471.975.000	1.179.937.500	10.000.000	1.661.912.500			
						Láng	LUC	225	05	350,0	258	27				-	-	-	-			
25	Hộ ông Nguyễn Tiên Thành	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059007378	CE 403914	05/12/2016	Buồng Dưới	LUC	192	05	1.155,1	228	27	1515,1	1.155,1	76%	358.081.000	895.202.500	10.000.000	1.263.283.500			
26	Hộ ông Nguyễn Tuấn Đạt	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001082025391	CH 042173	30/12/2016	Láng Dưới	LUC	183	05	3.132,0	244	28	3132	3.132,0	100%	970.920.000	2.427.300.000	10.000.000	3.408.220.000			
27	Hộ ông Nguyễn Văn Bình	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001047001376	CE 403887	05/12/2016	Buồng Dưới	LUC	256	05	980,0	287	27	1772	980,0	55%	303.800.000	759.500.000	9.800.000	1.073.100.000			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
28	Hộ ông Nguyễn Văn Chính	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001072037 192	CE 403920	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	368	05	884,7	347	27	884,7	884,7	100%	274.257.000	685.642.500	8.847.000	968.746.500			
29	Hộ ông Nguyễn Văn Chung	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001058016 979	CH 042171	30/12/2016	Buổi Trên	LUC	343	05	714,2	344	27	1064,2	1.064,2	100%	329.902.000	824.755.000	10.000.000	1.164.657.000			
						Láng Dưới	LUC	241	05	350,0	260	27									-	-
30	Hộ ông Nguyễn Văn Công	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001077026 063	CE 403883	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	237	05	420,0	265	27	420	420,0	100%	130.200.000	325.500.000	4.200.000	459.900.000			
31	Hộ ông Nguyễn Văn Dương	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001060009 072	CE 403900	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	428	05	654,1	33	34	1166,1	1.004,1	86%	311.271.000	778.177.500	10.000.000	1.099.448.500			
						Láng	LUC	198	05	350,0	229	27									-	-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
32	Hộ ông Nguyễn Văn Kê	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059013 143	CE 403916	05/12/2016	Láng	LUC	209	05	350,0	246	27	2758	1.732,0	63%	536.920.000	1.342.300.000	10.000.000	1.889.220.000			
						Buổi Trên	LUC	385	05	1.382,0	353	27									-	-
33	Ông Nguyễn Văn Lân và ông Nguyễn Văn Quốc	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071012 752	AA 0251055 1	30/07/2025	Buổi Dưới	LUC	253	05	980,1	289	27	980,1	980,1	100%	303.831.000	759.577.500	9.801.000	1.073.209.500			
34	Hộ ông Nguyễn Văn Lân	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071012 752	CE 403907	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	288	05	840,0	307	27	840	840,0	100%	260.400.000	651.000.000	8.400.000	919.800.000			
35	Hộ ông Nguyễn Văn Phụng	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064002 856	CE 403886	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	235	05	507,6	266	27	1875,6	507,6	27%	157.356.000	393.390.000	5.076.000	555.822.000			
36	Hộ ông Nguyễn Văn Thái	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001057029 351	CE 403878	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	304	05	1.273,0	320	27	1345,5	1.273,0	95%	394.630.000	986.575.000	10.000.000	1.391.205.000			
37	Hộ ông Nguyễn Văn Thương	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001166005 245	CE 403921	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	287	05	927,5	315	27	927,5	927,5	100%	287.525.000	718.812.500	9.275.000	1.015.612.500			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m ²)	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
38	Hộ ông Nguyễn Văn Tiến	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001057035481	CE 403897	05/12/2016	Buổi Trên	LUC	327	05	735,2	330	27	1238,8	735,2	59%	227.912.000	569.780.000	7.352.000	805.044.000			
39	Hộ ông Phạm Vũ Chuyên	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001065036795	CE 403892	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	239	05	1.172,5	264	27	1478,5	1.172,5	79%	363.475.000	908.687.500	10.000.000	1.282.162.500			
40	Hộ ông Vũ Công Doanh	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001060003627	CE 403896	05/12/2016	Buổi Dưới	LUC	328	05	780,0	333	27	1677,8	1.119,8	67%	347.138.000	867.845.000	10.000.000	1.224.983.000			
						Buổi Dưới	LUC	175	05	339,8	205	27				-	-	-	-			
										41.691,6				41.691,6		12.924.396.000	32.310.990.000	346.143.000	45.581.529.000			

Bảng chữ: Bốn mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Mạnh